

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/KDTM-ST
Ngày: 06-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Bà Trần Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 15/2021/TLST-KDTM ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2022/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 252/2022/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A (Việt Nam) trách nhiệm hữu hạn.

Địa chỉ: Số X, Đường Y, KCN Z, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1968; Địa chỉ: 6/5 Đường X, Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 22/02/2021).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại B

Địa chỉ: C12/3 Quốc lộ X, ấp Y, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh S, sinh năm: 1975; Địa chỉ: 90A X, Phường Y, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Hoàng có mặt, ông Sơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2021 của Công ty A (Việt Nam) TNHH và bản tự khai của ông Nguyễn Văn H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/10/2020 Công ty A (Việt Nam) trách nhiệm hữu hạn (viết tắt: Công ty A) và Công ty TNHH Thương mại B (viết tắt: Công ty B) ký hợp đồng mua bán số 01LC-UR/HĐMB/2020 với nội dung Công ty A mua của Công ty B 10.000 thùng bia Heineken lon, đơn giá 380.000 đồng/thùng, thành tiền 3.800.000.000 đồng. Công ty A đã chuyển khoản 02 đợt thanh toán Công ty TNHH Thương mại B toàn bộ số tiền của hợp đồng là 3.800.000.000 đồng.

Sau đó, ngày 17/11/2020 hai bên ký kết phụ lục hợp đồng số 01LC-UR/PLHĐ/2020 để ghi nhận phần nội dung bổ sung cho các điều khoản của hợp đồng chính, cụ thể, Công ty A mua của Công ty B 5.635 thùng bia Heineken lon (Bao bì xuân), đơn giá 387.000 đồng/thùng, thành tiền 2.180.745.000 đồng. Ngày 24/11/2020 Công ty A thanh toán đợt 1 (70%) là 1.526.521.000 đồng, tương ứng với số lượng 3.940 thùng bia.

Tổng cộng từ ngày 09/10/2020 đến ngày 24/11/2020 Công ty A đã thanh toán cho Công ty B tổng số tiền 5.326.521.000 đồng.

Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, Công ty B mới chỉ giao cho Công ty A 9.150 thùng bia, còn thiếu 6.485 thùng bia tương ứng với số tiền là 1.849.521.000 đồng.

Từ ngày 24/11/2020 đến ngày 30/11/2020 Công ty A đã nhiều lần liên hệ với Công ty B và người đại diện theo pháp luật của Công ty B là ông Huỳnh Thanh S yêu cầu giao bia như hợp đồng đã ký kết nhưng ông S hứa hẹn sau đó không liên lạc được, trụ sở Công ty B đóng cửa.

Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán số 01LC-UR/HĐMB/2020 ngày 07/10/2020 và phụ lục hợp đồng số 01LC-UR/PLHĐ/2020 ngày 17/11/2020 nêu trên thì Công ty B đã nhận tiền trước của Công ty A nhưng không thực hiện việc giao hàng và cố tình trốn tránh. Tại thời điểm ngày 30/11/2020 Công ty B còn nợ Công ty A số tiền là:

- Tiền nợ theo hợp đồng mua bán số 01LC-UR/HĐMB/2020 ngày 07/10/2020: 323.000.000 đồng (tương đương 850 thùng bia).
- Tiền nợ theo phụ lục hợp đồng 01LC-UR/PLHĐ/2020 ngày 17/11/2020: 1.526.521.000 đồng (tương đương 5.635 thùng bia);

- Tiền phạt theo phụ lục hợp đồng: 76.326.050 (5% giá trị tiền ứng theo pháp luật).

Tổng cộng: 1.925.847.050 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi năm triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm năm mươi đồng).

Do đó, ông H đại diện cho Công ty A yêu cầu Công ty B hoàn trả cho Công ty A trách nhiệm hữu hạn toàn bộ số tiền 1.925.847.050 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra, ông H đại diện cho Công ty A không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn Công ty TNHH thương mại B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Căn cứ hợp đồng mua bán số 01LC-UR/HĐMB/2020 ngày 07/10/2020 và phụ lục hợp đồng ngày 17/11/2020 giữa Công ty TNHH thương mại B và công ty A (Việt Nam) TNHH xác định 02 công ty có giao dịch mua bán hàng hóa với nhau, cụ thể là bia Heineken. Số lượng 10.000 thùng bia heineken với giá 3.800.000.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10% và phí vận chuyển) và 5.635 thùng bao bì xuân bia Heineken với giá 2.180.745.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10% và phí vận chuyển).

Căn cứ vào Ủy nhiệm chi ngày 09/10/2020 thể hiện công ty A đã thanh toán số tiền 2.850.000.000 đồng; ngày 19/10/2020 thể hiện số tiền đã thanh toán là 950.000.000 đồng và giấy báo nợ ngày 02/12/2020 thể hiện ngày 24/11/2020 Công ty A thanh toán đợt 1 (70%) là 1.526.521.000 đồng.

Căn cứ vào biên bản làm việc tại cơ quan cảnh sát điều tra ngày 10/5/2021 giữa cơ quan điều tra, đại diện công ty A (ông Nguyễn Văn H) và ông Huỳnh Thanh S (đại diện theo pháp luật công ty B) xác định công ty B có ký kết hợp đồng và còn nợ số tiền như công ty A trình bày cụ thể số tiền là 1.849.521.000 đồng. Ngày 24/3/2021, công ty B đã trả cho công ty A số tiền 49.950.000 đồng.

Tại mục 4.2 của phụ lục hợp đồng ngày 17/11/2020 thể hiện: “Trường hợp bên A giao không đúng thời hạn 04 ngày cho bên B theo từng danh sách giao hàng của bên B thì bên A sẽ bị phạt 5% theo giá trị đã chuyển khoản tương đương 76.326.050 đồng.”

Công ty TNHH thương mại B vắng mặt suốt quá trình tòa án thụ lý giải quyết nên không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, buộc Công ty TNHH thương mại B thanh toán cho Công ty A số tiền còn nợ do mua hàng là 1.876.347.505 đồng theo quy định tại Điều 50, Điều 306 Luật thương mại.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50 luật Thương Mại 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty A Việt Nam TNHH đối với công ty TNHH thương mại B theo đó buộc công ty B phải thanh toán số tiền còn thiếu là 1.876.347.505 đồng và công ty TNHH thương mại B chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty A (Việt Nam) trách nhiệm hữu hạn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH thương mại B yêu cầu trả tiền đã nhận từ hợp đồng mua bán hàng hoá. Đây là tranh chấp về đòi lại tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hoá trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, là loại tranh chấp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn có trụ sở tại huyện B nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2011, Tòa án nhân dân huyện B có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Công ty TNHH thương mại B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH thương mại B theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Công ty A thì có cơ sở xác định ngày 07/10/2020 Công ty A và Công ty B đã ký Hợp đồng mua bán số 01LC-UR/HĐMB/2020 với thỏa thuận Công ty A mua của Công ty B 10.000 thùng bia Heineken lon, đơn giá 380.000 đồng/thùng, thành tiền 3.800.000.000 đồng và ngày 17/11/2020 Công ty A và Công ty B đã ký phụ lục hợp đồng số 01LC-UR/PLHĐ/2020 với thỏa thuận Công ty A mua của Công ty B 5.635 thùng bia Heineken lon (Bao bì xuân), đơn giá 387.000 đồng/thùng, thành tiền

2.180.745.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định các bên đã xác lập hợp đồng mua bán hàng hoá theo quy định tại Điều 24 Luật thương mại.

[4] Theo Điều 3 của Hợp đồng mua bán số 01LC-UR/HĐMB/2020 ngày 07/10/2020 thể hiện phương thức thanh toán sẽ được thanh toán thành 02 đợt: Đợt 1 thanh toán 75% giá trị hợp đồng tương đương với số tiền 2.850.000.000 đồng ngay khi ký kết hợp đồng. Đợt 2 thanh toán số tiền còn lại vào ngày 15/10/2020.

[5] Theo Điều 2 của phụ lục hợp đồng số 01LC-UR/PLHĐ/2020 ngày 17/11/2020 thể hiện phương thức thanh toán sẽ được thanh toán thành 02 đợt: Đợt 1 thanh toán 70% giá trị hợp đồng tương đương với số tiền 1.526.521.000 đồng ngay khi ký kết phụ lục hợp đồng. Đợt 2 thanh toán số tiền còn lại sau khi Công ty B đã hoàn tất việc giao hàng đủ 70% phụ lục hợp đồng tương đương từ 3.940 thùng theo đúng yêu cầu.

[6] Theo Hợp đồng mua bán số 01LC-UR/HĐMB/2020 ngày 07/10/2020 giữa Công ty A và Công ty B thỏa thuận thời gian giao hàng sau 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi bên Công ty B nhận đủ tiền hàng và theo phụ lục hợp đồng số 01LC-UR/PLHĐ/2020 ngày 17/11/2020 giữa Công ty A và Công ty B thỏa thuận Công ty B giao hàng cho Công ty A trong vòng 04 ngày làm việc. Căn cứ Ủy nhiệm chi ngày 09/10/2020, Ủy nhiệm chi ngày 19/10/2020, giấy báo nợ ngày 24/11/2020 xác định Công ty A đã thanh toán cho Công ty B thông qua tài khoản số 060065598666 Công ty B tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền 3.800.000.000 đồng và thông qua số tài khoản 210214851666868 của Công ty B tại Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam số tiền 1.526.521.000 đồng. Như vậy, Công ty A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận mua bán hàng hóa.

[7] Khoản 1 Điều 34 và Khoản 1 Điều 37 Luật thương mại quy định về nghĩa vụ của bên bán như sau: *“Bên bán phải giao hàng, chứng từ theo thỏa thuận trong hợp đồng...”* và *“Bên bán phải giao hàng vào đúng thời điểm giao hàng đã thỏa thuận trong hợp đồng”*.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Công ty A xác nhận đến nay Công ty B đã giao 9.150 thùng hàng, còn thiếu là 6.485 thùng theo như hợp đồng. Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký nên Công ty A yêu cầu Công ty B trả lại số tiền đã nhận là 1.849.521.000 đồng.

[9] Căn cứ biên bản làm việc ngày 10/5/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an Thành phố Hồ Chí Minh đối với ông Nguyễn Văn H (đại diện công ty A và ông Huỳnh Thanh S (đại diện Công ty B), công ty B xác nhận còn nợ công ty A số tiền 1.849.521.000 đồng, ngày 24/3/2021 công ty B đã thanh toán cho công ty A số tiền 49.950.000 đồng và đề nghị ngày 30/9/2021 sẽ thanh toán

số tiền còn lại. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác nhận là từ ngày 10/5/2021 đến nay Công ty B không trả thêm khoản tiền nào cho Công ty A và còn nợ số tiền 1.799.571.000 đồng. Quá trình tố tụng, mặc dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn Công ty B. Tại phiên tòa hôm nay Công ty B vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản cho biết ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[10] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Do đó, Công ty B đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật.

[11] Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay một lần toàn bộ số tiền nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Theo quy định tại điểm 4.2 Điều 4 của phụ lục hợp đồng số 01LC-UR/PLHD/2020 ngày 17/11/2020 giữa Công ty A và Công ty B thỏa thuận trường hợp Công ty B giao không đúng thời hạn 4 ngày cho Công ty A theo từng danh sách giao hàng của Công ty A thì Công ty B sẽ bị phạt 5% theo giá trị đã chuyển khoản tương đương 76.326.050 đồng.

[13] Điều 300 và Điều 301 Luật thương mại quy định về phạt vi phạm và mức phạt vi phạm như sau: *“Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thỏa thuận...”* và *“mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm...”*. Công ty B vi phạm nghĩa vụ giao hàng như thỏa thuận nên Công ty A là có căn cứ.

[14] Do đó, Công ty A yêu cầu trả lại số tiền mà Công ty B đã nhận tương đương với số hàng chưa giao và tiền phạt vi phạm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty A.

[15] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại các Điều 24, Điều 34, Điều 37, Điều 300, Điều 301 Luật thương mại nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[16] Nếu Công ty A chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo án tuyên, Công ty A phải trả lãi theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

[17] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 34, Điều 37, Điều 306, Điều 300, Điều 301 Luật Thương mại;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A (Việt Nam) trách nhiệm hữu hạn.

2. Buộc Công ty TNHH Thương mại B có trách nhiệm trả cho Công ty A (Việt Nam) trách nhiệm hữu hạn số tiền 1.875.897.050 đồng (một tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn không trăm năm mươi đồng) theo phương thức trả một lần.

Kể từ khi Công ty A (Việt Nam) trách nhiệm hữu hạn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Thương mại B chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo án tuyên, Công ty TNHH Thương mại B phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

Thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

3.1. Công ty TNHH Thương mại B chịu 68.276.912 (sáu mươi tám triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn chín trăm mười hai) đồng án phí **kinh doanh thương mại** sơ thẩm.

3.2. Hoàn lại cho Công ty A (Việt Nam) trách nhiệm hữu hạn số tiền 34.887.706 (ba mươi bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn bảy trăm lẻ sáu) đồng theo biên lai thu tạm ứng áp phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0081080 ngày 09/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

TM HỘI
(1) **ĐỒNG XÉT XỬ**
(2) **SƠ THẨM**
(1) **THẨM**
(3) **PHÁN – CHỦ**
(3) **TỌA PHIÊN**
TÒA

2AAKKAM* $\delta\alpha\beta\chi\alpha\chi+$

Đỗ Thị
Duy Linh